

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 -05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06- 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco1 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Văn Đạt	Chủ tịch
Ông Đỗ Như Hiệp	Thành viên
Ông Cai Yu Hai	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28/04/2021)
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên
Ông Lã Bá Bộ	Thành viên
Ông Đỗ Văn Huân	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 28/04/2021)

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Như Hiệp	Giám đốc
Ông Võ Ngọc Hải	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính này hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1



Đỗ Như Hiệp

Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2022





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số : 54 -22/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO1

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO1 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Thị Thu Huyền

Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Phạm Thị Hiền

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2499-2018-034-1



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	Đơn vị tính: VND 01/01/2021
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.743.127.562	31.831.797.455
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	6.478.189.572	17.822.910.647
1	Tiền	111		74.100.694	291.666.055
2	Các khoản tương đương tiền	112		6.404.088.878	17.531.244.592
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	12.252.796.350	9.617.768.180
1	Chứng khoán kinh doanh	121		20.689.255.014	20.689.255.014
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(8.436.458.664)	(11.071.486.834)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.223.551.838	3.417.038.514
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	14.016.347.234	3.281.659.695
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	235.622.770	395.257.602
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	2.539.758.527	1.004.161.910
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.568.176.693)	(1.264.040.693)
IV	Hàng tồn kho	140		788.589.802	974.080.114
1	Hàng tồn kho	141	V.8.	788.589.802	974.080.114
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.937.341.221	3.800.649.285
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	600.000.000
1	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5.	-	600.000.000
II	Tài sản cố định	220		2.464.736.555	2.988.678.279
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	1.114.736.555	1.638.678.279
-	- Nguyên giá	222		5.876.455.164	6.553.210.156
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.761.718.609)	(4.914.531.877)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	1.350.000.000	1.350.000.000
-	- Nguyên giá	228		1.380.000.000	1.380.000.000
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(30.000.000)	(30.000.000)
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		472.604.666	211.971.006
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	472.604.666	211.971.006
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		37.680.468.783	35.632.446.740

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C NỢ PHẢI TRẢ	300		2.625.334.804	1.732.104.988
I Nợ ngắn hạn	310		2.625.334.804	1.732.104.988
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	1.127.418.697	610.799.936
2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	450.835.370	212.023.150
3 Phải trả người lao động	314		608.606.624	204.730.314
4 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14.	402.005.522	579.854.411
5 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	36.468.591	124.697.177
II Nợ dài hạn	330		-	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		35.055.133.979	33.900.341.752
I Vốn chủ sở hữu	410	V.16.	35.055.133.979	33.900.341.752
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		111.973.829	111.973.829
3 Cổ phiếu quỹ (*)	415		(436.450.000)	(436.450.000)
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(24.620.389.850)	(25.775.182.077)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(25.775.182.077)	(20.029.572.009)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.154.792.227	(5.745.610.068)
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		37.680.468.783	35.632.446.740

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1

Người lập

Đỗ Thị Hoàng Hà

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Hoàng Hà

Giám đốc



Đỗ Như Hiệp

2022
NG
NHẬN
DÁN VÌ
Ệ T
4Y-

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2021	Năm 2020
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	14.508.803.001	7.012.442.624
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		14.508.803.001	7.012.442.624
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	13.255.875.566	6.764.594.398
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.252.927.435	247.848.226
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	427.990.024	791.755.790
7 Chi phí tài chính	22	VI.4.	(2.635.028.170)	4.400.442.680
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	25		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	3.217.204.356	2.378.895.802
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		1.098.741.273	(5.739.734.466)
11 Thu nhập khác	31	VI.5.	231.125.846	-
12 Chi phí khác	32	VI.6.	175.074.892	5.875.602
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		56.050.954	(5.875.602)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.154.792.227	(5.745.610.068)
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	-	-
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.154.792.227	(5.745.610.068)
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	194,70	(968,70)

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2022

Người lập

Đỗ Thị Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Hoàng Hà

Giám đốc



Đỗ Như Hiệp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		4.977.025.403	4.815.371.129
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(10.225.257.405)	(3.253.711.518)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.351.696.572)	(3.526.858.214)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.590.450	330.814.103
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.380.256.619)	(4.000.600.009)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.978.594.743)	(5.634.984.509)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(65.000.000)	(45.700.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		200.000.000	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.320.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		498.873.668	852.217.780
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		633.873.668	3.126.517.780
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(11.344.721.075)	(2.508.466.729)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.822.910.647	20.331.377.376
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	6.478.189.572	17.822.910.647


Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đỗ Thị Hoàng Hà

Đỗ Thị Hoàng Hà

Đỗ Như Hiệp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO1 (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Xây lắp điện 3.1, được thành lập theo Quyết định số 158/2004/QĐ-BCN ngày 06/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Xây lắp điện 3.1 thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.1. Ngày 20/03/2006, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO1 theo Quyết định số 54 QĐ/XLĐ3.1 - HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.1. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400447064 lần thứ nhất ngày 31/12/2004. Công ty có 07 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0400447064 thay đổi lần thứ 7 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/06/2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty, vốn điều lệ của Công ty là **60.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp điện.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện thế đến 500 kv và các công trình nguồn điện, xây dựng;
- Dịch vụ văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và rèn luyện thân thể;
- Cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ăn uống giải khát; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá;
- Vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh du lịch lữ hành;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Dịch vụ massage và vật lý trị liệu./.

Trụ sở Công ty tại: Số 489 Nguyễn Lương Bằng, Quận Liên Chiểu - TP Đà Nẵng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

+ Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

+ Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng không thu hồi được đúng hạn.

Tăng giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/12/2021, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Nguyên tắc kế toán và phương pháp khấu hao TSCĐ

6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	20 - 25
- Máy móc, thiết bị	08 - 10
- Phương tiện vận tải	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

6.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định vô hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá thực tế mua lại cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu hợp đồng xây lắp điện và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu xây lắp

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả hợp đồng xây dựng được xác định đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, phiếu giá đã thống nhất với khách hàng và được khách hàng xác nhận phản ánh trên hóa đơn tài chính đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính là chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với các công trình xây lắp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác bao gồm cả lỗ mang sang, và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền	74.100.694	291.666.055
Tiền mặt	2.339.154	38.264.289
Tiền gửi ngân hàng	71.761.540	253.401.766
Các khoản tương đương tiền	6.404.088.878	17.531.244.592
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hải Vân	6.404.088.878	17.531.244.592
Cộng	6.478.189.572	17.822.910.647



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
	Giá gốc	Giá gốc
	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
	Dự phòng	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh		
- Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	75.014	75.014
	46.350	(28.664)
- Công ty CP Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng (*)	20.689.180.000	20.689.180.000
	12.252.796.350	9.617.750.000
Cộng	20.689.255.014	20.689.255.014
	12.252.796.350	9.617.750.000
	(8.436.458.664)	(11.071.430.000)
	12.252.796.350	(11.071.430.000)
	20.689.255.014	(11.071.486.834)

(*) Khoản đầu tư vào Công ty CP Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng, mã chứng khoán là MAS, số lượng sở hữu là 263.500 cổ phiếu, niêm yết tại sàn HNX.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Yên Lạc	373.545.357	(373.545.357)	373.545.357	(373.545.357)
Công ty CP Xây dựng điện VNECO6	450.851.849	(450.851.849)	450.851.849	(450.851.849)
Công ty CP Xây lắp điện 3.10	281.504.678	(253.628.688)	281.504.678	(253.628.688)
Công ty Xây dựng Thuận An	-	-	347.422.500	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Khánh Dung	457.353.482	-	757.353.482	-
Công ty Cổ phần Xây lắp điện 4 - Miền Trung	417.084.878	-	734.387.567	-
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	3.033.892.612	-	181.008.262	-
Công ty CP Đầu tư xây lắp điện Miền Bắc Việt Nam	764.710.100	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thiên Danh An	7.169.694.385	-	-	-
Công ty Cổ phần Lắp máy	912.123.893	-	-	-
Các đối tượng khác	155.586.000	(155.586.000)	155.586.000	(151.450.000)
Cộng	14.016.347.234	(1.233.611.894)	3.281.659.695	(1.229.475.894)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần DANACEM	-	200.000.000
Công ty TNHH Minh Yên	119.821.543	119.821.543
Cơ Khí Minh Thạnh	53.881.059	53.881.059
Các đối tượng khác	61.920.168	21.555.000
Cộng	235.622.770	395.257.602

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn				
Nguyễn Thanh Tú (*)	-	-	600.000.000	-
Cộng	-	-	600.000.000	-

2022
CÔNG
CH NHIỆM
TOÁN VÀ
VIỆT N
GIẤY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(*) Là khoản cho vay theo hợp đồng cho vay tiền số 01 HĐTĐ/VNECO1 ngày 17/06/2019 với lãi suất 0%. Theo biên bản họp đại hội đồng cổ đông số 21/2020/BB-ĐHĐCĐ.VE1 ngày 27/05/2020 và nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 22/2020/NQ-ĐHĐCĐ.VE1 ngày 27/05/2020 thì đại hội đồng cổ đông không đồng ý cho bà Nguyễn Thanh Tú tiếp tục được vay khoản này và yêu cầu bà Nguyễn Thanh Tú phải hoàn trả số tiền trên.

6. Phải thu khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
<i>Tạm ứng</i>	727.705.999	-	665.132.754	-
Võ Ngọc Hải	123.582.249	-	179.100.249	-
Đỗ Thị Hoàng Hà	295.038.010	-	4.074.000	-
Đoàn Thanh Minh	226.019.924	-	212.398.457	-
Các đối tượng khác	83.065.816	-	269.560.048	-
<i>Phải thu khác</i>	1.812.052.528	(334.564.799)	339.029.156	(34.564.799)
Nguyễn Thanh Tú	600.000.000	(300.000.000)	-	-
Lãi dự thu	45.709.971	-	116.593.615	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	182.648.222	-	182.648.222	-
Các đối tượng khác	983.694.335	(34.564.799)	39.787.319	(34.564.799)
Cộng	2.539.758.527	(334.564.799)	1.004.161.910	(34.564.799)

b) Phải thu khác của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

7. Nợ xấu

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán đã trích lập dự phòng				
<i>Phải thu khách hàng</i>	1.233.611.894	-	1.229.475.894	-
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hoàng Hà	45.950.000	-	45.950.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng thương mại 5	105.500.000	-	105.500.000	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO6	450.851.849	-	450.851.849	-
Công ty TNHH Yên Lạc	373.545.357	-	373.545.357	-
Công ty CP Xây lắp điện 3.10	253.628.688	-	253.628.688	-
Công ty TNHH Thái Bình	4.136.000	-	-	-
<i>Phải thu khác</i>	634.564.799	300.000.000	34.564.799	-
Nguyễn Thanh Tú	600.000.000	300.000.000	-	-
Các đối tượng khác	34.564.799	-	34.564.799	-
Cộng	1.868.176.693	300.000.000	1.264.040.693	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.579.048	-	18.579.048	-
Công cụ, dụng cụ	29.639.249	-	10.590.719	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	740.371.505	-	944.910.347	-
Cộng	788.589.802	-	974.080.114	-

9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND
			Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2021	1.350.000.000	30.000.000	1.380.000.000
Số dư ngày 31/12/2021	1.350.000.000	30.000.000	1.380.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2021	-	30.000.000	30.000.000
Số dư ngày 31/12/2021	-	30.000.000	30.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	1.350.000.000	-	1.350.000.000
Tại ngày 31/12/2021	1.350.000.000	-	1.350.000.000

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 30.000.000 VND



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2021	2.334.670.380	869.156.587	3.299.383.189	50.000.000	6.553.210.156
Mua trong năm	-	65.000.000	-	-	65.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(741.754.992)	-	(741.754.992)
Số dư ngày 31/12/2021	2.334.670.380	934.156.587	2.557.628.197	50.000.000	5.876.455.164
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2021	1.966.723.820	564.576.642	2.333.231.416	50.000.000	4.914.531.877
Khấu hao trong năm	22.299.792	74.914.289	136.084.036	-	233.298.117
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(386.111.385)	-	(386.111.385)
Số dư ngày 31/12/2021	1.989.023.612	639.490.931	2.083.204.067	50.000.000	4.761.718.609
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2021	367.946.560	304.579.945	966.151.773	-	1.638.678.279
Tại ngày 31/12/2021	345.646.768	294.665.656	474.424.130	-	1.114.736.555

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.579.368.981 VND (Tại ngày 31/12/2020: 3.178.762.394 VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	449.007.566	180.443.307
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	14.341.667	16.734.366
Chi phí mua các loại bảo hiểm, kiểm định	9.255.433	14.793.333
Cộng	472.604.666	211.971.006

12. Phải trả người bán

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Năm Quân	236.806.297	236.806.297	498.139.936	498.139.936
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện Quang Thắng Nguyễn Phương Hoài	890.612.400	890.612.400	-	-
	-	-	112.660.000	112.660.000
Cộng	1.127.418.697	1.127.418.697	610.799.936	610.799.936

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	212.023.150	566.021.641	327.209.421	450.835.370
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	388.500	388.500	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.115.400	2.115.400	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	212.023.150	571.525.541	332.713.321	450.835.370



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

14. Chi phí phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí các công trình đã hoàn thành	277.505.522	551.354.411
Tiền lương hội đồng quản trị và ban kiểm soát	37.500.000	28.500.000
Trích trước chi phí kiểm toán	35.000.000	-
Trích trước chi phí tiền thuê đất	52.000.000	-
Cộng	402.005.522	579.854.411

15. Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	34.127.977	11.941.582
Bảo hiểm xã hội	2.340.614	106.931.068
Dư có TK 141	-	5.824.527
Cộng	36.468.591	124.697.177



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECOI

Số 489 Nguyễn Lương Bằng, Quận Liên Chiểu - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***16. Vốn chủ sở hữu****16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Vốn góp của chủ sở hữu	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2020	60.000.000.000	39.645.951.820
Lỗ trong năm trước	-	(5.745.610.068)
Số dư ngày 31/12/2020	60.000.000.000	33.900.341.752
Lãi trong năm nay	-	1.154.792.227
Số dư ngày 31/12/2021	60.000.000.000	35.055.133.979

16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp của các cổ đông	60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	60.000.000.000	60.000.000.000

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000
Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(2.635.028.170)	-
Cộng	(2.635.028.170)	4.400.442.680
5. Thu nhập khác		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Hoàn nhập chi phí trích trước do không có chứng từ hoàn về	231.125.846	-
Cộng	231.125.846	-
6. Chi phí khác		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	173.825.425	-
Chi phí phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	768.547	-
Các khoản truy thu và phạt thuế	480.920	5.875.602
Cộng	175.074.892	5.875.602
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	3.217.204.356	2.522.772.855
Chi phí nhân viên quản lý	1.951.661.361	1.701.730.699
Chi phí vật liệu quản lý	-	2.764.872
Chi phí đồ dùng văn phòng	42.123.377	17.129.621
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	22.299.792	24.799.792
Thuế, phí và lệ phí	44.312.982	101.413.817
Chi phí dự phòng	304.136.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.197.185	167.645.377
Chi phí bằng tiền khác	753.473.659	507.288.677
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	-	(143.877.053)
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(143.877.053)
Cộng	3.217.204.356	2.378.895.802
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.266.146.632	294.339.234
Chi phí nhân công	5.646.757.866	7.394.309.078
Chi phí khấu hao tài sản cố định	233.298.117	386.618.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.703.314.944	377.421.146

129
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí khác bằng tiền	1.414.887.521	1.218.564.369
Cộng	16.264.405.080	9.671.251.868

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	1.154.792.227	(5.745.610.068)
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.249.467	5.875.602
Lỗi được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	(1.156.041.694)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(5.739.734.466)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, được giảm	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.154.792.227	(5.745.610.068)
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.154.792.227	(5.745.610.068)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.931.280	5.931.280
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	194,70	(968,70)

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Đỗ Như Hiệp
Võ Ngọc Hải

Mối quan hệ

Giám đốc
Phó Giám đốc

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hoàn tạm ứng		
Võ Ngọc Hải	55.518.000	-

2.1 Số dư với các bên liên quan

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tạm ứng		
Võ Ngọc Hải	123.582.249	179.100.249

2.2 Thu nhập và các khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt

Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 như sau:

		Năm 2021 VND
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị		
Họ tên	Chức danh	102.000.000
Đỗ Văn Đạt	Chủ tịch	36.000.000
Đỗ Như Hiệp	Thành viên	18.000.000
Lã Bá Độ	Thành viên	18.000.000
Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên	18.000.000
Đỗ Văn Huân	Thành viên	12.000.000
Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát		
Họ tên	Chức danh	33.500.000
Nguyễn Thị Ngọc	Trưởng ban	16.500.000
Nguyễn Văn Đài	Thành viên	9.000.000
Phạm Thị Thu Hằng	Thành viên	8.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc		
Họ tên	Chức danh	377.915.080
Đỗ Như Hiệp	Giám đốc	215.854.376
Võ Ngọc Hải	Phó Giám đốc	162.060.704



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.478.189.572	17.822.910.647
Nợ thuần	(6.478.189.572)	(17.822.910.647)
Vốn chủ sở hữu	35.055.133.979	33.900.341.752
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	0%	0%
Cộng	35.055.133.979	33.900.341.752

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.478.189.572	17.822.910.647
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.987.929.068	3.021.780.912
Các khoản đầu tư tài chính	12.252.796.350	10.217.768.180
Cộng	33.718.914.990	31.062.459.739
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.163.887.288	735.497.113
Chi phí phải trả	402.005.522	579.854.411
Cộng	1.565.892.810	1.315.351.524

01/20
CỘNG
HỘNH
KẾ TOÁN
VIỆT
GIẤY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

31/12/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	1.163.887.288	-	1.163.887.288
Chi phí phải trả	402.005.522	-	402.005.522

01/01/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	735.497.113	-	735.497.113
Chi phí phải trả	579.854.411	-	579.854.411

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.478.189.572	-	6.478.189.572
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.987.929.068	-	14.987.929.068
Các khoản đầu tư tài chính	12.252.796.350	-	12.252.796.350

01/01/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.822.910.647	-	17.822.910.647
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.021.780.912	-	3.021.780.912
Các khoản đầu tư tài chính	9.617.768.180	600.000.000	10.217.768.180



3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco1 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1

Người lập

Đỗ Thị Hoàng Hà

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Hoàng Hà

Giám đốc

Đỗ Như Hiệp